

Quận Ngô Quyền, ngày 30 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI
THU, CHI TÀI CHÍNH
(Theo điều 5, Thông tư 09/2024/TT-BGDDT)

1. Tình hình tài chính trong năm học 2023-2024

- 1.1. Khoản thu phân theo ngân sách nhà nước: Không có
1.2. Dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp về: 14.397.097.850 đ
1.3. Dự toán chi không thường xuyên ngân sách cấp về: 621.000.000 đ
1.4. Các khoản chi phân theo chi tiền lương và thu nhập; các khoản chi khác
a. Chi lương và BHXH đến hết tháng 9/2024: 8.670.590.184 đ
b. Chi tiền thưởng đạt danh hiệu: 90.530.000 đ
c. Chi tăng thu nhập: 1.624.147.850 đ
d. Chi mua sắm sửa chữa, chi chuyên môn, chi khác: 1.184.126.385 đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2024-2025

2.1. Thu theo quy định (bắt buộc)

*Bảo hiểm y tế

- Học sinh lớp 1 (Đã thu vào tháng 9)

- + HS sinh từ 1/10/2018 trở về trước thu 15 tháng: 1.105.650 đồng
+ HS sinh từ 2 /10 đến 1/ 11 thu 14 tháng: 1.031.940 đồng
+ HS sinh từ 2/11 đến 1/12 thu 13 tháng : 958.230 đồng
+ HS sinh từ 2/12 đến 31/12 thu 12 tháng: 884.520 đồng

- Học sinh lớp 2, 3, 4, 5: 884.520 đồng (Thu vào tháng 12)

2.2. Thu theo Nghị quyết 08/2023 NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố

STT	Nội dung	Các khoản thu và mức thu của nhà trường	Thời điểm thu
1	Tổ chức bán trú		
1.1	Tiền ăn (Đã bao gồm cả chất đốt)	30.000đ/HS/ngày	Thu theo tháng
1.2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú		
a	Đối với HS lớp 1	360.000đ/HS/năm	Thu khi tuyển sinh (Đối với PHHS có nguyện vọng)
b	Đối với HS lớp 2, 3, 4, 5	200.000đ/HS/năm	Thu vào cuối năm học trước (Đối với PHHS đăng ký)



STT	Nội dung	Các khoản thu và mức thu của nhà trường	Thời điểm thu
2	Chăm sóc bán trú		
2.1	Hỗ trợ người nấu ăn, người trông trưa, công tác quản lý và vệ sinh bán trú	150.000đ/HS/tháng	Thu theo tháng
2.2	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	10.000đ/HS/giờ = 200.000đ/HS/Tháng	Thu theo tháng
3	Dạy học 2 buổi/ngày (<i>hỗ trợ cơ sở vật chất, điện nước</i>)	30.000đ/HS/tháng	Thu theo tháng
4	Nước uống	10.000đ/HS/tháng	Thu theo tháng
5	Các hoạt động liên kết		
5.1	Kĩ năng sống	50.000đ/HS/tháng	Thu theo tháng
5.2	Học tiếng nước ngoài		
a	Tiếng Anh (<i>GV người nước ngoài</i>)	160.000đ /HS/tháng	Thu theo tháng
b	Tiếng Nhật	150.000đ /HS/tháng	Thu theo tháng

2.3. Xây dựng quỹ vòng tay bè bạn

- Thực hiện phong trào “Kế hoạch nhỏ” xây dựng quỹ “Vòng tay bè bạn” trong trường học, giai đoạn 2023-2027 theo thông báo số 43-TB/LN giữa Quận đoàn và Phòng GD&ĐT quận Ngô Quyền (Hình thức HS thu gom phế liệu, tự bán quy đổi số tiền không quá 40.000 đồng/HS/kỳ).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm năm học 2023-2024

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
Tặng thẻ BHYT cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	14.971.000
Tặng đồng phục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	10.230.000
Tặng Sách giáo khoa cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	11.924.500
Tặng quà nhân dịp khai giảng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	11.000.000
Tặng quà Tết Trung thu cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	11.000.000
Tặng đồng phục mùa đông cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	4.780.000
Tặng quà Tết Nguyên Đán 2023 cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	11.000.000

4. Số dư các quỹ theo quy định

THU CHI CÁC NGUỒN THU KHÁC
NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐVT: đồng					
Nguồn thu	Mức thu	Dư năm trước sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Dư cuối năm
				Tổng chi trong năm	
1. ĐN-CSVC lớp 2b/ ngày	30.000 đ/1 tháng	109.131.020	599.320.000	710.331.222	-1.880.202
2. Kế hoạch nhỏ	40.000 đ/1 NH	92.650	80.200.000	78.081.000	2.211.650
3. TANN	160.000 đ/1 tháng		1.835.840.000	1.835.840.000	
4. KNS	48.000 đ/1 tháng	200	572.194.000	572.194.000	200
5. TT cuối giờ	200.000 đ/1 tháng	28.776.300	3.107.260.000	3.135.260.000	776.300
6. Tài trợ	40.000 đ/1 NH	91.548.407	589.400.000	673.941.000	7.007.407
7. CSVC BT	Lớp 1: 300.000 đ/1 NH Lớp còn lại: 200.000 đ/1 NH	5.952.206	460.840.000	462.686.800	4.105.406
8. PVBT	150.000 đ/1 tháng	-16.266.418	2.688.750.000	2.658.134.600	14.348.982
9. Tiền ăn	28.000 đ/1 ngày ăn	11.100	9.323.740.000	9.323.725.150	25.950
10. Chắt dốt	2.000 đ/1 ngày ăn	1.521.407	662.368.000	663.876.000	13.407
Tổng		220.766.872	19.919.912.000	20.114.069.772	26.609.100

Nơi nhận:

- Trang TTĐT (CM công khai);
- Lưu: Hồ sơ công khai



Phạm Thị Diện